

Số: /QĐ-SNN&PTNT

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Phương án sản xuất ngành trồng trọt
tỉnh Thanh Hóa năm 2023

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THANH HOÁ

Căn cứ Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT; Phòng nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế thuộc UBND cấp huyện;

Căn cứ Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 13010/UBND-NN ngày 05/9/2022 của UBND tỉnh về việc tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch sản xuất ngành trồng trọt năm 2023;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và BVTV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án sản xuất ngành trồng trọt tỉnh Thanh Hóa năm 2023.

Điều 2. UBND các huyện, thị xã, thành phố và các ngành, đơn vị có liên quan chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoàn thành Phương án sản xuất ngành trồng trọt tỉnh Thanh Hóa năm 2023 đảm bảo đạt hiệu quả cao nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để t/h);
- UBND tỉnh, VP UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở, ban, ngành có liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Phó giám đốc Sở;
- Lưu: VT, TT&BVTV.

GIÁM ĐỐC

Cao Văn Cường

UBND TỈNH THANH HOÁ
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày tháng 9 năm 2022

PHƯƠNG ÁN

SẢN XUẤT NGÀNH TRỒNG TRỌT NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-SNN&PTNT, ngày tháng năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT NGÀNH TRỒNG TRỌT NĂM 2022

I. Kết quả thực hiện sản xuất trồng trọt năm 2022

1. Đánh giá thuận lợi, khó khăn

Thuận lợi: Sản xuất ngành trồng trọt luôn nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả, của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự phối hợp tích cực của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành, sự nỗ lực của ngành Nông nghiệp và PTNT, sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp và tin tưởng, ủng hộ của các tầng lớp Nhân dân. Định hướng, chủ trương và chính sách về hỗ trợ phát triển ngành trồng trọt được tỉnh ban hành kịp thời đồng bộ như Quyết định số 622-QĐ/TU ngày 23/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành chương trình nông nghiệp và phát triển nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, các đề án liên quan đến phát triển ngành Trồng trọt như Cây ăn quả, phát triển sản phẩm chủ lực, phát triển cây gai xanh...; các chính sách như sách Tích tụ, tập trung đất đai, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, chính sách hỗ trợ phát triển cây gai xanh nguyên liệu...; đây chính là những động lực quan trọng nhằm thúc đẩy sản xuất ngành trồng trọt trong việc nâng cao năng suất, giá trị, hiệu quả cao theo hướng sản xuất tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao.

Khó khăn: Dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp và kéo dài cùng với sự bất ổn an ninh chính trị toàn cầu làm cho giá xăng dầu, vật tư nông nghiệp tăng cao (điển hình là phân bón tăng so với cùng kỳ từ 35 - 70%, thậm chí có thời điểm tăng gấp đôi); đặc biệt, thời tiết diễn biến bất thường, trong đó đã xảy ra đợt lụt Tiểu Mãn từ 22-28/5 gây thiệt hại nặng, cục bộ ở một số xã ở các địa phương như Thiệu Hóa, Triệu Sơn, Thọ Xuân, Nông Cống, ...

2. Kết quả đạt được

2.1. Diện tích, năng suất, sản lượng, giá trị

Tổng diện tích gieo trồng đạt 395.227 ha, đạt 100,3% so với kế hoạch (KH) và 98,5 % so với cùng kỳ (CK). Sản lượng lương thực ước đạt 1.551.784 tấn.

Giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất trồng trọt năm 2022 ước đạt 115 triệu đồng/ha, tăng 3 triệu đồng/ha so với năm 2021.

Diện tích các cây trồng chính: lúa 229.281 ha, đạt 100,9% KH và 98,9% CK; ngô 40.787 ha, đạt 94,9% KH và 97,4% CK; lạc 8.856 ha, đạt 100,8% KH và 94,9% CK; rau đậu và hoa 52.367,5 ha đạt 98,9% CK; sắn 13.713 ha, đạt 100,6% KH và 100,3% CK; mía 14.036 ha, đạt 73,9% KH và 90,6% CK.

Ước năng suất các loại cây trồng chính: năng suất lúa bình quân 59,3 tạ/ha, tăng 0,6 tạ/ha so với KH; năng suất ngô 47,2 tạ/ha, tăng 0,7 tạ/ha so với KH; năng suất lạc 22,4 tạ/ha, tăng 0,4 tạ/ha so với KH; năng suất mía 660 tạ/ha, tăng 16 tạ/ha so với KH; năng suất sắn 152 tạ/ha, tăng 2 tạ/ha so với KH.

Ước sản lượng: sản lượng lúa 1.359.240 tấn, đạt 101,9% KH và 96,2% CK; ngô 192.543,7 tấn, đạt 96,3% KH và 96,9% CK; lạc 19.873 tấn, đạt 108,89 % KH và 96,09 % CK; rau 650.000 tấn, đạt 100% KH và 97,3% CK; sắn 205.200 tấn, đạt 101,3% KH và 99,5% CK; mía 926.376 tấn, đạt 75,75% KH và 92,91% CK.

2.2. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng

Toàn tỉnh đã chuyển đổi linh hoạt diện tích đất trồng lúa năng suất, hiệu quả thấp sang cây trồng khác 3.130 ha. Trong đó: chuyển sang trồng cây hàng năm 1.904,8 ha, cây lâu năm 560,4 ha và trồng lúa kết hợp thủy sản 664,8 ha.

Nhiều mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa đạt hiệu quả cao. Điển hình như tại huyện Hậu Lộc: chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng 3 vụ cây hàng năm, hiệu quả kinh tế đạt từ 120-150 triệu đồng/ha/vụ thu hoạch cao hơn so với sản xuất lúa từ 2-3 lần; Mô hình trồng 2 vụ ớt + 1 vụ ngô ngọt sau khi trừ chi phí thu lãi 170 triệu đồng/ha/năm, cao hơn gấp 3 - 4 lần trồng lúa. Tại huyện Vĩnh Lộc: Mô hình trồng ngô ngọt trên đất trồng lúa với diện tích 46,8 ha/năm cho thu nhập đạt trên 80 triệu đồng/ha/vụ; Mô hình trồng ngô làm thức ăn xanh trên đất trồng lúa diện tích 90 ha/năm đạt 45 triệu đồng/ha/vụ, lợi nhuận từ 20-25 triệu đồng/ha; Mô hình trồng dưa lê với diện tích 3 ha đạt trên 100 triệu đồng/ha, lợi nhuận trên 50 triệu đồng/ha.

2.3. Duy trì và phát triển các vùng cây trồng thâm canh, phát triển vùng sản xuất tập trung được chứng nhận an toàn thực phẩm

- Vùng thâm canh cây trồng: Diện tích lúa thâm canh năng suất, chất lượng cao 158.000 ha, ngô thâm canh 20.000 ha, mía thâm canh 12.000 ha, rau an toàn 13.000 ha, hoa cây cảnh công nghệ cao 325 ha, cây ăn quả tập trung 8.500 ha, cây thức ăn chăn nuôi: 15.000 ha.

Phát triển các mô hình có hiệu quả cao: Mô hình Lúa - Cá tại huyện Hà Trung với diện tích 35 ha, Mô hình phát triển Cây gai tại huyện Cẩm Thủy gần 400 ha, Mô hình Lúa rươi tại huyện Quảng Xương và Nông Công với diện tích 8 ha, bưởi hữu cơ tại huyện Yên Định, Rau hữu cơ tại huyện Đông Sơn, ...

Phát triển các sản phẩm đặc sản: Lúa nếp hạt cau với tổng diện tích 1.500 ha tại các huyện Ngọc Lặc, Bá Thước, Thạch Thành, Vĩnh Lộc và Hà Trung; Mô hình nếp cái hoa vàng tại huyện Hà Trung với diện tích 220 ha; sản xuất nếp cây nội tại Mường Lát với diện tích 350 ha, Mô hình rau má gắn với chế biến 20 ha tại Quảng Xương, Nông Cống, Như Thanh, Nghi Sơn...

2.4. Liên kết sản xuất theo hợp đồng

Liên kết sản xuất tập trung theo hợp đồng tiếp tục được các địa phương quan tâm triển khai mở rộng. Vì vậy, diện tích liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm các loại cây trồng đạt kết quả cao với tổng diện tích liên kết 42.998 ha. Trong đó:

Vụ Đông: diện tích liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm vụ Đông toàn tỉnh đạt 4.032 ha; trong đó cây ớt 1.074 ha, khoai tây 758 ha, ngô dày làm thức ăn chăn nuôi 854 ha, ngô ngọt 556 ha, đậu tương rau, cải chân vịt, hành tỏi, bí, dưa chuột và các loại rau màu khác 810 ha.. Tập trung tại các huyện Yên Định, Hậu Lộc, Vĩnh Lộc, Thọ Xuân, Hoằng Hóa, Nga Sơn, Quảng Xương, Nông Cống....

Vụ Đông Xuân: diện tích liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm đạt 33.592 ha, trong đó: mía nguyên liệu 14.000 ha, sắn nguyên liệu 12.930 ha, lúa gi ng 1.008 ha, lúa thương phẩm 2.130 ha, ngô ngọt 991.6 ha, ngô dày làm thức ăn chăn nuôi 810 ha, ớt 507,2ha, cây gai xanh lấy sợi 693 ha, còn lại là diện tích các loại rau màu và cây trồng khác.

Vụ Thu Mùa: diện tích liên kết đạt 5.373,7 ha, cụ thể từng loại cây trồng: lúa gạo thương phẩm 3.569,6 ha, sản xuất giống lúa thuần 685,8 ha, ngô ngọt 166 ha, ngô sinh khối làm thức ăn chăn nuôi 471,9 ha, ớt 30,7 ha, cây gai 104,2 ha, rau đậu các loại và cây trồng khác 345,5 ha. Tập trung tại các huyện Thọ Xuân, Nông Cống, Yên Định, Triệu Sơn, Đông Sơn, Quảng Xương, Hoằng Hóa, Hà Trung, Thạch Thành.....

2.5. Thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển trồng trọt

Năm 2022, các địa phương đang tiếp tục triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh ban hành đảm bảo hiệu quả và đúng quy định, như chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn theo Nghị quyết 192/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách khuyến khích tích tụ tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025; chính sách hỗ trợ phát triển cây gai xanh nguyên liệu theo Nghị quyết 385/2021/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh về ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cây gai xanh nguyên liệu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2023; cơ chế chính sách phát triển cây ăn quả theo Nghị quyết 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025; chính sách hỗ

trợ sản xuất vụ Đông năm 2022. Nhìn chung, các chính sách tỉnh đã được các địa phương, doanh nghiệp và người dân đồng tình ủng hộ, tích cực triển khai thực hiện có hiệu quả góp phần thúc đẩy sản xuất trồng trọt trên địa bàn tỉnh phát triển.

3. Hạn chế yếu kém và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, sản xuất trồng trọt còn những khó khăn, hạn chế, đó là: Các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn tuy có chuyển biến tích cực song vẫn chưa xứng với tiềm năng, lợi thế và chưa thực sự bền vững; công tác chủ động mời gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư liên kết sản xuất tại một số địa phương còn hạn chế.

Nguyên nhân

- *Khách quan:* Ảnh hưởng của khí hậu thời tiết tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, vụ Xuân năm 2022 điều kiện thời tiết khá khó khăn, nền nhiệt độ thấp xen các đợt rét muộn làm cho cây trồng sinh trưởng bất thuận, giảm một phần năng suất và sản lượng so với các vụ trước; lụt Tiểu mãn gây thiệt hại trên 12 nghìn tấn lương thực; đặc biệt, dịch bệnh Covid-19 gây ảnh hưởng lớn đến việc xuất khẩu, lưu thông nông sản, xuất nhập khẩu nguyên liệu, vật tư làm giá của nhiều mặt hàng vật tư nông nghiệp tăng cao (giống, phân bón các loại, thuốc BVTV,...) đã ảnh hưởng đến tâm lý đầu tư sản xuất của người dân và doanh nghiệp trong ngành trồng trọt năm 2022 (diện tích liên kết sản xuất giảm, đặc biệt cây ớt xuất khẩu); nhiều loại cây trồng khác do hạn chế thị trường nên không mở rộng được như dưa, khoai tây, ngô ngọt... Quy mô sản xuất ngành trồng trọt vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ, chủ yếu vẫn ở hình thức sản xuất nông hộ; tính đồng bộ, khả năng ứng dụng KHKT hạn chế, dễ bị tổn thương.

- *Chủ quan:* Hạ tầng phục vụ sản xuất vẫn còn bất cập, chưa được đầu tư nhiều, nhất là các vùng được chuyển đổi cơ cấu cây trồng; khả năng thu hút doanh nghiệp còn hạn chế, các doanh nghiệp lớn đầu tư vào ngành trồng trọt chưa nhiều, các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn thiếu nguồn lực đầu tư nhất là rất khó tiếp cận vốn tín dụng từ quỹ đất và tài sản trên đất nông nghiệp; việc xây dựng thương hiệu, xây dựng mã vùng trồng phục vụ xuất khẩu, quảng bá sản phẩm còn chậm và ít; doanh nghiệp chưa thấy được vai trò, ý nghĩa của việc xây dựng thương hiệu nông sản; các chính sách hỗ trợ sản xuất chưa đủ mạnh để thu hút nhà đầu tư.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT NĂM 2023

I. Dự báo thuận lợi, khó khăn

1. Thuận lợi

Ngành nông nghiệp tiếp tục được quan tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp, cộng đồng doanh nghiệp; nhiều chủ trương, cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất tiếp tục được ban hành, tạo động lực cho phát triển.

Dịch bệnh Covid-19 cơ bản được kiểm soát, hoạt động thương mại được liên kết trở lại sau đại dịch; giá vật tư, xăng dầu giảm, dịch vụ thương mại và thị trường phát triển mở rộng là những điều kiện thuận lợi cho người sản xuất đầu tư vào sản xuất trồng trọt.

2. Khó khăn

Tình hình an ninh, chính trị thế giới có nhiều biến động, dịch bệnh Covid-19 tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các biến chứng mới với diễn biến phức tạp, khó lường vẫn là nguy cơ gây khó khăn cho sản xuất và đời sống. Giá vật tư đầu vào có giảm nhưng vẫn còn ở mức cao so với đầu ra của sản phẩm. Diện tích cây trồng được sản xuất theo hợp đồng vẫn còn hạn chế so với tiềm năng sản xuất.

Thời tiết cực đoan và biến đổi khí hậu vẫn luôn là nguy cơ gây thiệt hại lớn cho sản xuất trồng trọt. Mặt khác, các hạn chế về mặt nội tại của ngành như diện tích nhỏ lẻ, thiếu lao động, trình độ lao động thấp, trong khi đó việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất chưa cao... vẫn là những yếu tố gây khó khăn cho sản xuất trồng trọt.

II. Mục tiêu

- Sản lượng lương thực đạt 1,5 triệu tấn trở lên.
- Diện tích gieo trồng cây hàng năm 395.000 ha; trong đó: vụ Đông 50.000 ha, vụ Đông Xuân 192.000 ha, vụ Thu Mùa 153.000 ha.
- Diện tích, năng suất, sản lượng các cây trồng chính:
 - Lúa: diện tích cả năm 227.000 ha, năng suất BQ 59 tạ/ha, sản lượng 1.338.800 tấn.
 - Ngô: diện tích 40.000 ha, năng suất 47,3 tạ/ha, sản lượng 189.000 tấn.
 - Lạc: diện tích 8.300 ha, năng suất 21 tạ/ha, sản lượng 17.430 tấn.
 - Mía: diện tích 18.600 ha, năng suất 680 tạ/ha; sản lượng 1.264.800 tấn.
 - Sắn: diện tích 13.500 ha, năng suất 160 tạ/ha, sản lượng 216.000 tấn.
 - Cây gai xanh nguyên liệu: diện tích trồng mới 1.900 ha.
 - Rau: diện tích 51.000 ha, năng suất 131 tạ/ha, sản lượng 668.100 tấn.

Trồng giá trị sản xuất ngành Trồng trọt năm 2023 đạt 29,5 nghìn tỷ đồng, bình quân giá trị nhập/ha đạt 120 triệu đồng/ha đất canh tác (giá hiện hành)

III. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Tăng cường công tác chỉ đạo điều hành sản xuất trồng trọt

Tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt thực hiện phát triển sản xuất trồng trọt, tập trung vào các nội dung chính như sau:

- Xây dựng kế hoạch tổng thể, PA hàng vụ, giao chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ, xây dựng giải pháp thực hiện đảm bảo ít nhất diện tích bằng Phương án sản xuất ngành trồng trọt năm 2023 Sở Nông nghiệp và PTNT giao, giá trị và hiệu quả sản xuất ngày càng tăng;

- Rà soát, tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng chuyển sang cây trồng có lợi thế, có nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa hiệu quả thấp sang trồng các loại cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn. Phân đầu năm 2023 chuyển đổi được 1.500 ha lúa và cây trồng khác có hiệu quả kinh tế thấp sang cây trồng có hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Đẩy mạnh công tác Thông tin tuyên truyền hướng dẫn đến toàn thể cán bộ, đảng viên, nhân dân về vai trò, ý nghĩa trong sản xuất trồng trọt; huy động, phát động các tổ chức chính trị, xã hội nghề nghiệp tham gia sản xuất trồng trọt năm 2023. Tăng cường tuyên truyền về các chủ trương, chính sách, các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các mô hình sản xuất mới, hiệu quả; Phân công các đồng chí lãnh đạo và cán bộ kỹ thuật phụ trách từng địa bàn cụ thể để hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai các giải pháp đề ra, hỗ trợ kỹ thuật cho nhân dân trong sản xuất.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện giám sát; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong sản xuất, kinh doanh và sử dụng vật tư nông nghiệp, sớm phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm; công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng để cảnh báo cho nông dân biết và chủ động lựa chọn vật tư nông nghiệp đảm bảo chất lượng.

2. Chỉ đạo phát triển sản xuất trồng trọt theo hướng tập trung, hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; sản xuất hữu cơ, thân thiện với môi trường

- Phát triển sản xuất trồng trọt theo hướng hàng hóa, quy mô lớn, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng chuyển sang cây trồng có lợi thế, có nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa hiệu quả thấp sang trồng các loại cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm; xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung để nâng

cao hiệu quả sản xuất; khuyến khích doanh nghiệp liên kết, ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ nông sản với nông dân; phát triển các nhóm nông dân hợp tác tự nguyện, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Nâng cao năng lực giám sát và dự báo, phòng trừ hiệu quả sâu bệnh trên cây trồng. Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh, như gạo, rau, quả, sắn và các sản phẩm từ sắn, cao su, mía đường, cây thức ăn chăn nuôi, cây dược liệu.

- Mở rộng phạm vi, địa bàn ứng dụng các loại hình công nghệ cao, có hiệu quả từ thực tiễn, đặc biệt là tại các địa bàn chưa có điều kiện tiếp cận công nghệ để rút ngắn chênh lệch về trình độ canh tác giữa các vùng; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông minh, tự động hóa tại các vùng sản xuất chuyên canh.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao và thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, bao gồm công nghệ sinh học, công nghệ số, công nghệ thông tin trong các khâu của chuỗi giá trị sản xuất, kết nối đồng bộ với các ngành, lĩnh vực khác để hình thành nền sản xuất nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác; sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, lao động, nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh và phát triển bền vững của ngành.

- Tiếp tục lựa chọn, nhân rộng các mô hình sản xuất hữu cơ (Lúa rươi, lúa cá, Rau hữu cơ, cây ăn quả hữu cơ....) để nâng cao giá trị sản xuất, đảm bảo an toàn thực phẩm.

3. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao theo Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 11/01/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVIII)

Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai theo Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 11/01/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVIII), dần khắc phục tình trạng ruộng đất nhỏ lẻ, manh mún, hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh quy mô lớn; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư, tổ chức sản xuất nông sản hàng hóa nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hóa. Phân đầu năm 2023 tích tụ được 7.100 ha gồm các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, lũy kế hết năm 2023, tổng diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đạt 49.128 ha, tính riêng giai đoạn 2021-2023 đạt 22.434,2 ha (bằng 70,1% KH giai đoạn 2021-2025).

4. Đổi mới, hoàn thiện và triển khai có hiệu quả cơ chế, chính sách phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục triển khai thực hiện các cơ chế chính sách từ nguồn vốn của Trung ương, chính sách bảo vệ phát triển đất trồng lúa. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết 192/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách khuyến

khích tích tụ tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025; Nghị quyết 385/2021/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh về ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cây gai xanh nguyên liệu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2023; cơ chế chính sách phát triển cây ăn quả theo Nghị quyết 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025; chính sách hỗ trợ sản xuất vụ Đông.

Sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết 192/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách khuyến khích tích tụ tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025.

5. Đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, tăng cường liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm và thu hút nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

Tạo điều kiện tốt hơn nữa để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực trồng trọt; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi để các hình thức tổ chức sản xuất phát triển; tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp hoạt động chưa hiệu quả hoặc hiệu quả thấp. Khuyến khích và tạo điều kiện liên kết sản xuất trồng trọt theo chuỗi từ sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm lợi thế gắn với xây dựng mã số vùng trồng.

Tích cực phối hợp với các ban ngành, các nhà tài trợ để tranh thủ nguồn hỗ trợ đầu tư từ Trung ương, vốn ODA, vốn tài trợ của các tổ chức phi Chính phủ. Mở rộng hợp tác với các tổ chức tài chính lớn nhằm thu hút vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, tăng cường năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường huy động nguồn vốn qua kênh tín dụng cho đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn. Huy động tối đa vốn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực dân cư và các thành phần kinh tế khác để đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn; cùng với nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, nguồn vốn của tỉnh, của huyện, của xã, tập trung huy động tối đa các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, đáp ứng yêu cầu tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

6. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp và nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ sản xuất trồng trọt

Hiện nay, giá vật tư nông nghiệp tăng cao, thị trường có dấu hiệu xuất hiện các loại vật tư kém chất lượng. Vì vậy, cần tăng cường công tác quản lý nhà nước nhất là các loại phân bón, tập trung vào các nội dung sau: (1) Tăng cường phổ biến các quy định về quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm để nâng cao nhận thức chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và nông sản thực phẩm. (2) Thực hiện tốt công tác

thanh tra, kiểm tra, giám sát, sớm phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, đảm bảo trên địa bàn không có tình trạng lưu hành các loại vật tư đầu vào kém chất lượng ảnh hưởng đến sản xuất và hiệu quả cây trồng.

Xây dựng phương án quản lý, điều hành tưới, tiêu hợp lý đảm bảo đủ nước cho sản xuất và tiêu ứng kịp thời khi xảy ra mưa lớn. Các Công ty quản lý và khai thác công trình thủy lợi thường xuyên kiểm tra, phát hiện hư hỏng, sửa chữa, nâng cấp kịp thời các công trình thủy lợi để đáp ứng kịp thời nhu cầu nước cho làm đất, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh. Xây dựng cụ thể và triển khai thực hiện có hiệu quả phương án tưới, tiêu; nạo vét kênh mương vào mùa khô, khơi thông dòng chảy để tiêu thoát tốt vào mùa mưa để phát huy tốt năng lực tưới, tiêu của các công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu của sản xuất.

Chủ động trong công tác phòng trừ dịch hại, thường xuyên theo dõi diễn biến của thời tiết, sâu bệnh và tình hình sinh trưởng, phát triển của cây trồng; thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo và dịch vụ phòng trừ sâu bệnh, đảm bảo kịp thời, hiệu quả và an toàn; không để sâu bệnh phát sinh thành dịch, đặc biệt quan tâm phòng trừ bệnh lùn sọc đen và các đối tượng sâu bệnh chính như sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá lúa, bệnh đốm sọc vi khuẩn, ... trên cây lúa, sâu keo mùa thu trên cây ngô...

IV. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Xây dựng phương án cụ thể hàng sản xuất vụ trong năm 2023 (vụ Đông, vụ Đông Xuân và vụ Thu Mùa); đôn đốc, kiểm tra các địa phương xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất năm 2023; theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, sinh trưởng phát triển của cây trồng để kịp thời chỉ đạo sản xuất; thực hiện tốt công quản lý nhà nước đối với các loại vật tư nông nghiệp. Báo cáo, tham mưu kịp thời cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong các trường hợp cần thiết để chỉ đạo quyết liệt các địa phương, các ngành thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo sản xuất thắng lợi.

Chỉ đạo, điều hành thực hiện tốt các khâu dịch vụ phục vụ sản xuất trồng trọt; tập trung vào công tác thủy lợi đảm bảo tưới tiêu kịp thời, công tác phòng trừ sâu bệnh, công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Chủ trì phối hợp với các ngành và địa phương xây dựng kế hoạch, tổng hợp đăng ký khối lượng và triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ, phát triển trồng trọt của Trung ương, tỉnh trong năm 2023.

2. Viện Nông nghiệp Thanh Hóa

Phối hợp với các sở, ngành liên quan, các tổ chức khoa học công nghệ, các doanh nghiệp,... để tiếp nhận tổ chức thực hiện ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật

phục vụ sản xuất; làm cơ sở để Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo mở rộng trong sản xuất, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển sản xuất trồng trọt.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn các địa phương xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2023, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện kế hoạch. Chủ trì xây dựng kế hoạch khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và tạo mọi điều kiện thuận lợi theo quy định của pháp luật để các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất và kinh doanh sản phẩm trồng trọt trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu báo cáo UBND tỉnh bố trí phân bổ kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất trồng trọt theo các cơ chế, chính sách của tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất trồng trọt của huyện, phân giao mục tiêu cụ thể đến các xã, phường, thị trấn và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đạt kết quả cao nhất.

Có phương án chủ động ứng phó với các tình huống thiên tai, dịch bệnh nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra đối với sản xuất trồng trọt.

Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của tỉnh để khuyến khích đầu tư phù hợp với tiềm năng, lợi thế và nhu cầu của địa phương để thu hút vốn đầu tư cho phát triển trồng trọt trên địa bàn. Đồng thời, căn cứ vào điều kiện thực tế của từng địa phương, ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn.

Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án, dự án đã được phê duyệt; chịu trách nhiệm theo phân cấp trong công tác quản lý nhà nước đối với các loại vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn; xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với từng địa phương.

6. Mặt trận Tổ quốc, các sở, ngành, cơ quan và tổ chức chính trị - xã hội có liên quan

Đề nghị Mặt trận Tổ quốc các cấp, các sở, ngành, cơ quan báo chí và tổ chức chính trị - xã hội có liên quan phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham gia tuyên truyền, giám sát và tạo mọi điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất ngành trồng trọt năm 2023 đạt kết quả cao nhất./.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Phụ lục 1: Dự kiến kế hoạch diện tích gieo trồng cây hàng năm năm 2023

ĐVT: ha

STT	Đơn vị	Cả năm	Vụ Đông	Vụ Đông Xuân	Vụ Thu Mùa
Tổng toàn tỉnh		395.000	50.000	192.000	153.000
1	TP Thanh Hoá	9.480	1.180	4.600	3.700
2	Sầm Sơn	1.470	200	750	520
3	Bỉm Sơn	1.645	215	960	470
4	Thọ Xuân	28.650	5.300	13.250	10.100
5	Đông Sơn	7.750	300	3.900	3.550
6	Nông Cống	28.230	3.250	13.380	11.600
7	Triệu Sơn	24.800	2.800	11.500	10.500
8	Quảng Xương	19.100	1.900	8.700	8.500
9	Hà Trung	13.450	1.100	7.300	5.050
10	Nga Sơn	14.967	1.830	6.500	6.637
11	Yên Định	28.500	4.700	12.500	11.300
12	Thiệu Hoá	20.510	2.610	9.200	8.700
13	Hoàng Hoá	20.930	3.600	9.000	8.330
14	Hậu Lộc	14.600	2.600	6.200	5.800
15	Nghi Sơn	17.350	2.200	8.650	6.500
16	Vĩnh Lộc	14.950	2.600	6.700	5.650
17	Thạch Thành	19.633	1.930	11.567	6.136
18	Cẩm Thủy	18.510	2.610	9.050	6.850
19	Ngọc Lặc	18.670	1.650	10.520	6.500
20	Lạng Chánh	6.898	800	3.898	2.200
21	Như Xuân	12.150	1.200	7.650	3.300
22	Như Thanh	10.387	1.200	5.087	4.100
23	Thường Xuân	10.660	1.010	5.900	3.750
24	Bá Thước	14.830	1.850	8.230	4.750
25	Quan Hoá	5.896	655	3.148	2.093
26	Quan Sơn	6.311	710	2.920	2.681
27	Mường Lát	4.673		940	3.733

Phụ lục 2: Diện tích gieo trồng một số cây trồng chủ yếu năm 2023*ĐVT: ha*

TT	Đơn vị	Lúa	Ngô	Lạc	Rau	Sắn	Mía	Gai xanh
Tổng toàn tỉnh		227.000	40.000	8.300	51.000	13.500	18.600	1.900
1	TP Thanh Hoá	6.510	400	200	1.800			
2	TX Sầm Sơn	900	200	100	200			
3	TX Bỉm Sơn	800	100		150		550	
4	Thọ Xuân	15.400	3.500	200	6.400	800	2000	80
5	Đông Sơn	7.000			800			
6	Nông Cống	19.900	800	400	3.000	150	600	50
7	Triệu Sơn	18.600	1.000	100	3.800		250	50
8	Quảng Xương	13.200	500		2.500		25	
9	Hà Trung	10.200	500	100	1.400	50	265	50
10	Nga Sơn	8.150	600	1.200	2.000			
11	Yên Định	17.500	3.000	50	4.000	50	500	50
12	Thiệu Hoá	15.750	1.500	100	1.750		100	
13	Hoàng Hoá	12.450	2800	1.000	3.710		25	50
14	Hậu Lộc	8.700	1.200	700	2.130		25	20
15	Nghi Sơn	8.800	1.600	2500	950		50	
16	Vĩnh Lộc	9.190	2.500	40	1.750	150	400	
17	Thạch Thành	9.100	1.800	70	2.238	300	4600	50
18	Cẩm Thủy	7.300	4.600	190	2.173	300	2500	350
19	Ngọc Lặc	6.900	2.800	350	1750	2.100	2500	160
20	Lang Chánh	2.540	1.300	170	1.186	1.200	350	100
21	Như Xuân	4.640	850	40	1000	2.300	550	220
22	Như Thanh	5.820	1.000	170	1.900	700	300	100
23	Thường Xuân	5.400	1.200	190	843	1.100	850	170
24	Bá Thước	4.900	2.450	300	1.700	1.100	2100	150
25	Quan Hoá	2.280	1.450	30	520	1.300	30	130
26	Quan Sơn	2.320	1.550	100	1.200	900	30	50
27	Mường Lát	2.750	800		150	1.000		70